

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ba về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1834/TTr-STC ngày 13 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế-19.7).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 26 tháng 7 năm 2022

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2022, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

A. Thu ngân sách nhà nước: 7.054.506 triệu đồng, bằng 58% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 54% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 4% so với cùng kỳ năm trước.

I. Thu nội địa: 6.504.388 triệu đồng, bằng 59% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 54% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước TW: 259.224 triệu đồng, bằng 54% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 328.379 triệu đồng, bằng 78% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 75% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 48% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 390.110 triệu đồng, bằng 56% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 51% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 34% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 907.049 triệu đồng, bằng 57% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu lệ phí trước bạ: 427.554 triệu đồng, bằng 87% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 84% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 4.379 triệu đồng, bằng 55% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 852.321 triệu đồng, bằng 142% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 129% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế bảo vệ môi trường: 106.354 triệu đồng, bằng 51% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí, lệ phí: 78.956 triệu đồng, bằng 59% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.661.460 triệu đồng, bằng 35% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 31% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền thuê đất: 790.785 triệu đồng, bằng 130% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 98% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 183% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 64.674 triệu đồng, bằng 104% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu xổ số kiến thiết: 496.533 triệu đồng, bằng 61% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách: 136.536 triệu đồng, bằng 65% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước.

II. Các khoản thu quản lý qua ngân sách: 2.973 triệu đồng.

III. Thu từ Hải quan: 547.145 triệu đồng, bằng 48% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

B. Chi ngân sách địa phương: 6.723.860 triệu đồng, bằng 50% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 43% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 3.721.253 triệu đồng. Trong đó, giải ngân từ kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2022 là 1.663.837 triệu đồng, bằng 23,3% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 22,8% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

II. Chi thường xuyên: 2.999.634 triệu đồng, bằng 43% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 38% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 306.795 triệu đồng, đạt 15% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 29% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.243.781 triệu đồng, đạt 41% dự toán Bộ Tài chính giao và 40% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 273.917 triệu đồng, đạt 49% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 16.609 triệu đồng, đạt 68% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: 57.556 triệu đồng, đạt 36% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 30.013 triệu đồng, đạt 24% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

7. Chi đảm bảo xã hội: 186.598 triệu đồng, đạt 66% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 62% so với cùng kỳ năm trước.

8. Chi quản lý hành chính: 670.968 triệu đồng, đạt 55% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

9. Chi an ninh - quốc phòng: 184.311 triệu đồng, đạt 66% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

10. Chi khác ngân sách: 29.086 triệu đồng, đạt 35% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

III. Các khoản chi quản lý qua ngân sách: 2.973 triệu đồng./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	12.180.000	13.150.000	6.774.574	7.054.651	58	54	104
I	Thu cân đối NSNN	12.180.000	13.150.000	6.774.574	7.054.651	58	54	104
1	Thu nội địa	11.030.000	12.000.000	6.055.440	6.504.388	59	54	107
2	Thu từ dầu thô							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.150.000	1.150.000	715.159	547.145	48	48	77
4	Thu kết dư ngân sách				145			
5	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			3.975	2.973			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSDP	13.316.330	15.655.000	6.943.951	6.723.860	50	43	97
I	Chi cân đối NSDP	13.316.330	15.655.000	6.939.976	6.720.887	50	43	97
1	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.292.236	3.752.215	3.721.253	61	51	99
2	Chi thường xuyên	6.990.109	7.882.447	2.908.513	2.999.634	43	38	103
3	Chi trích lập quỹ phát triển đất	-	-	-	-			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
4	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	-	-		
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	-	157.652	-			
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU	-	-	19.956	-			
7	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018	-	-	57.591	-			
8	Chi đầu tư các dự án CNTT	-	-	-	-			
9	Dự phòng	265.081	479.317	44.050	-	-		
III	Các khoản chi được quản lý qua NSNN			3.975	2.973			
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	-	-					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP							
D	CHI TRẢ NỢ GỐC							

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12.180.000	13.150.000	6.774.574	7.054.506	58	54	104
I	Thu nội địa	11.030.000	12.000.000	6.055.440	6.504.388	59	54	107
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	480.000	480.000	280.833	259.224	54	54	92
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	420.000	440.000	222.378	328.379	78	75	148
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	700.000	770.000	592.078	390.110	56	51	66
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1.580.000	1.580.000	890.695	907.049	57	57	102
5	Lệ phí trước bạ	490.000	510.000	351.414	427.554	87	84	122
6	Thuế SD đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	3.246	4.379	55	55	135
7	Thuế thu nhập cá nhân	600.000	660.000	537.827	852.321	142	129	158
8	Thuế bảo vệ môi trường	210.000	210.000	115.824	106.354	51	51	92
9	Thu phí và lệ phí	134.000	134.000	78.288	78.956	59	59	101
10	Tiền sử dụng đất	4.700.000	5.300.000	1.925.419	1.661.460	35	31	86
11	Thu tiền cho thuê đất	606.000	806.000	279.602	790.785	130	98	283

STT	Nội dung	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	62.000	62.000	72.713	64.674	104	104	89
13	Thu xổ số kiến thiết	820.000	820.000	607.805	496.533	61	61	82
14	Thu khác	210.000	210.000	96.908	136.536	65	65	141
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			152	74			
16	Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	10.000	10.000	258	-			
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách		-	3.975	2.973			
III	Thu từ Hải quan	1.150.000	1.150.000	715.159	547.145	48	48	77
B	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	10.735.350	11.836.820	5.874.414	6.355.358	59	54	108
1	Từ các khoản thu phân chia	3.703.700	3.867.220	2.558.248	2.776.528	75	72	109
2	Từ các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	7.031.650	7.969.600	3.316.166	3.578.830	51	45	108

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	2	3	4	5	5/2	5/3	5/4
	Tổng chi NSĐP	13.316.330	15.655.000	6.943.951	6.723.860	50	43	97
A	Chi cân đối NSĐP	13.316.330	15.655.000	6.939.976	6.720.887	50	43	97
I	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.292.236	3.752.215	3.721.253	61	51	99
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	6.060.140	7.243.636	3.752.215	3.721.253	61	51	99
2	Nguồn hỗ trợ từ TPHCM		30.000				0	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu sở xố kiến thiết		18.600					
4	Chi trả nợ vay tín dụng							
II	Chi thường xuyên	6.990.109	7.882.447	2.908.513	2.999.634	43	38	103
1	Chi sự nghiệp kinh tế		2.010.867	429.444	306.795		15	71
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.051.111	3.122.213	1.168.150	1.243.781	41	40	106
3	Chi sự nghiệp y tế		563.173	293.503	273.917		49	93
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.378	24.378	16.272	16.609		68	102
5	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		158.148	56.944	57.556		36	101
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		127.120	31.622	30.013		24	95

STT	NỘI DUNG	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2022	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	2	3	4	5	5/2	5/3	5/4
7	Chi đảm bảo xã hội		284.013	114.933	186.598		66	162
8	Chi quản lý hành chính		1.228.865	575.964	670.968		55	116
9	Chi an ninh quốc phòng địa phương		280.964	189.434	184.311		66	97
10	Chi khác ngân sách		82.706	32.247	29.086		35	90
IV	Chi trích lập quỹ phát triển đất			-				
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-				
VI	Chi thực hiện cải cách tiền lương			157.652				-
VII	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU			19.956				
VIII	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối			57.591				-
IX	Chi đầu tư các dự án CNTT			-				
X	Dự phòng	265.081	479.317	44.050				
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.171.835						
C	Các khoản chi quản lý qua ngân sách			3.975	2.973			